

Bản án số: 16/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 26/11/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thắm.

*Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Phương Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Khoa Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 188/2024/TLST- HNGĐ ngày 14/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/11/2024 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Quốc T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

Bà Lê Thị N, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Ông Vũ Văn S, sinh năm 1967, địa chỉ: P, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa có mặt chị H, anh T; Vắng mặt bà N và ông S).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Vũ Quốc T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y vào ngày 10/5/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do tính cách vợ chồng không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, cãi nhau, xúc phạm nhau, nhiều lần chị H về bố mẹ ở, sau đó nghĩ đến con và được gia đình động viên nên chị quay lại tiếp tục chung sống cùng anh T. Năm 2021, chị làm đơn xin ly hôn anh T nhưng sau đó chị rút đơn lại vì nghĩ đến con. Khi quay về chung sống cùng anh T vợ chồng bất đồng quan điểm và xảy ra mâu thuẫn nên chị đã về nhà mẹ đẻ từ tháng 7/2024. Do vợ tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Vũ Khánh N1, sinh ngày 23/11/2019, hiện nay đang ở cùng chị H, ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ chung, công sức: chị H và anh T không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn anh Vũ Quốc T trình bày:* Anh T và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có được UBND xã Y đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2019. Sau khi kết hôn anh T và chị H ở trên nhà đất của bố mẹ anh, cuộc sống vợ chồng cũng có lúc cãi nhau. Nguyên nhân, do chị H không quan tâm đến chồng con, không vun vén gia đình, coi thường gia đình và nói xấu anh bất tài vô dụng, thậm trí chị còn hay chửi tục chửi bậy chồng và bố mẹ chồng. Trước mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình có góp ý, đặc biệt gia đình anh cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị không thay đổi. Vì anh bận công việc nên anh không có thời gian chăm sóc vợ con được. Tháng 7/2024 anh và chị H cãi nhau, chị H quay ra chửi mẹ anh thì anh bực tức tát chị H vài cái, chị H cũng quay ra đánh, cào cấu anh. Nay chị H xin ly hôn anh, anh không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị H có 1 con chung là Vũ Khánh N1, sinh ngày 23/11/2019, hiện nay đang ở cùng chị H. Nếu chị H cương quyết ly hôn anh thì anh nhất trí để cháu N1 ở với chị H vì cháu là con gái và còn bé, việc chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con anh nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Biên bản lấy lời khai của đại diện gia đình anh T và chị H:* Điều xác nhận việc vợ chồng anh T và chị H có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng, cho đến nay đã sống ly thân và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

*Biên bản xác minh với chính quyền địa phương tại nơi sinh sống của anh T và chị H: Điều xác định hiện anh T và chị H đang cư trú trên địa bàn. Việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T địa phương không nắm được và xác nhận hiện chị H và anh T đang sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ của anh T và chị H.*

**Tại phiên toà:**

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Vũ Văn T1 và đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ và công sức vì vợ chồng chị không có tài sản, không nợ, không có công sức liên quan đến nhau.

Bị đơn anh T1 không đồng ý ly hôn và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật, vấn đề nuôi con chung anh đồng ý để chị H nuôi con việc chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con anh nhất trí. Tài sản chung nợ chung, công sức không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H và anh Vũ Quốc T ly hôn; Về quan hệ con chung: Giao cháu Vũ Khánh N1, sinh ngày 23/11/2019 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về nội dung:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Vũ Quốc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y vào năm 2019 do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa

thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không tìm được tiếng nói chung, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng vợ chồng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Chị H xin ly hôn anh T không đồng ý, tuy nhiên anh có quan điểm đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đến nay đã trầm trọng anh T không đồng ý ly hôn không phải vì còn tình cảm với chị H. Thông qua lời khai của người đại diện gia đình và chính quyền địa phương thì thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, anh chị không có hạnh phúc; yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận.

1.2. Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 1 con chung là Vũ Khánh N1, sinh ngày 23/11/2019 hiện cháu N1 đang ở cùng chị H. Chị H và anh T thống nhất sau ly hôn chị H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy sự thống nhất của anh chị là tự nguyện nên HĐXX ghi nhận sự thống nhất này của anh chị.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H và anh T đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, công sức nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Quốc T.

2. Về con chung: Giao chị Vũ Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Khánh N1, sinh ngày 23/11/2019 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi chị H và anh T có yêu cầu khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H và anh T về việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Vũ Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000đ chị H đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai ký hiệu BLTU/24 số 0000551 ngày 14/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc (chị H đã thực hiện xong về nghĩa vụ án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H và anh Vũ Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã Yết Kiêu (để ghi vào sổ hộ tịch - đăng ký kết hôn năm 2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thắm**